

MPC

Đầu Nối Khí Nén Ren Ngoài
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPC 0401	0785986	11,100
MPC 0401N-W	0786011	13,400
MPC 0402	0785987	11,200
MPC 0402N-W	0786012	13,600
MPC 0403	0785988	15,400
MPC 0403N-W	0786013	18,700
MPC 04M5	0785982	14,600
MPC 04M5N-W	0786009	17,700
MPC 04M6	0785983	14,600
MPC 04M6N-W	0786010	17,700
MPC 0601	0785989	12,000
MPC 0601N-W	0786016	14,500
MPC 0602	0785990	12,600
MPC 0602N-W	0786017	15,300
MPC 0603	0785991	15,800
MPC 0603N-W	0786018	19,100
MPC 0604	0785992	20,500
MPC 0604N-W	0786019	24,800
MPC 06M5	0785984	15,900
MPC 06M5N-W	0786014	19,300
MPC 06M6	0785985	15,900
MPC 06M6N-W	0786015	19,300
MPC 0801	0785993	14,300
MPC 0801N-W	0786020	17,400
MPC 0802	0785994	14,600
MPC 0802N-W	0786021	17,700
MPC 0803	0785995	16,200
MPC 0803N-W	0786022	19,700
MPC 0804	0785996	24,100
MPC 0804N-W	0786023	29,200
MPC 1001	0785997	17,500
MPC 1001N-W	0786024	21,200
MPC 1002	0785998	18,200
MPC 1002N-W	0786025	22,100
MPC 1003	0785999	19,300
MPC 1003N-W	0786026	23,300
MPC 1004	0786000	24,700
MPC 1004N-W	0786027	29,800
MPC 1201	0786001	19,300
MPC 1201N-W	0786028	23,300
MPC 1202	0786002	21,600
MPC 1202N-W	0786029	26,000
MPC 1203	0786003	22,200
MPC 1203N-W	0786030	26,900
MPC 1204	0786004	22,900
MPC 1204N-W	0786031	30,300
MPC 1403	0786005	60,600
MPC 1404	0786006	60,700
MPC 1603	0786007	66,200
MPC 1604	0786008	66,400

BUC

Đầu Nối Khí Nén Thẳng Bằng Đồng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
BUC 0800	0079978	55,700

MPUC

Đầu Nối Khí Nén Thẳng
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPUC 04	0786098	13,100
MPUC 04-W	0113770	13,100
MPUC 06	0786099	14,400
MPUC 06-W	0113771	14,400
MPUC 08	0786100	15,000
MPUC 08-W	0113772	15,000
MPUC 10	0786101	17,000
MPUC 10-W	0113773	17,000
MPUC 12	0786102	22,900
MPUC 12-W	0113774	22,900
MPUC 14	0786103	34,900
MPUC 16	0786104	52,100

MPL

Đầu Nối Khí Cong 90, Ren Ngoài
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPL 0401	0786036	15,500
MPL 0401N-W	0786059	17,100
MPL 0402	0786037	16,600
MPL 0402N-W	0786060	18,200
MPL 0403	0786038	19,300
MPL 04M5	0786032	18,400
MPL 04M6	0786033	18,400
MPL 0601	0786039	15,800
MPL 0601N-W	0786061	17,400
MPL 0602	0786040	17,000
MPL 0602N-W	0786062	18,700
MPL 0603	0786041	20,000
MPL 0604	0786042	26,600
MPL 06M5	0786034	18,700
MPL 06M6	0786035	18,700
MPL 0801	0786043	18,800
MPL 0801N-W	0786063	20,600
MPL 0802	0786044	19,800
MPL 0802N-W	0786064	21,700
MPL 0803	0786045	20,300
MPL 0803N-W	0786065	22,300
MPL 0804	0786046	30,000
MPL 1001	0786047	25,500
MPL 1002	0786048	25,600
MPL 1002N-W	0786066	28,200
MPL 1003	0786049	25,700
MPL 1003N-W	0786067	28,300
MPL 1004	0786050	30,800
MPL 1004N-W	0786068	33,900
MPL 1201	0786051	29,500
MPL 1202	0786052	30,900
MPL 1202N-W	0786069	33,900
MPL 1203	0786053	31,900
MPL 1203N-W	0786070	35,100
MPL 1204	0786054	33,600
MPL 1204N-W	0786071	37,000
MPL 1403	0786055	65,800
MPL 1404	0786056	69,100
MPL 1603	0786057	72,000
MPL 1604	0786058	75,600

MPUT

Đầu Nối Khí Nén Chữ T (3 Ngã)
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPUT 04	0786121	22,200
MPUT 04-W	0113775	22,200
MPUT 06	0786122	22,200
MPUT 06-W	0113776	22,200
MPUT 08	0786123	22,900
MPUT 08-W	0113777	22,900
MPUT 10	0786124	24,100
MPUT 10-W	0113778	24,100
MPUT 12	0786125	33,900
MPUT 12-W	0113779	33,900
MPUT 14	0786126	53,500
MPUT 16	0786127	78,900

MPG

Đầu Nối Khí Thẳng Giảm
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPG 0604	0786072	14,600
MPG 0604-W	0786080	14,600
MPG 0804	0786073	15,900
MPG 0806	0786074	15,900
MPG 0806-W	0786081	15,900
MPG 1006	0786075	21,000
MPG 1008	0786076	21,000
MPG 1008-W	0786082	21,000
MPG 1208	0786077	22,000
MPG 1208-W	0786083	22,000
MPG 1210	0786078	22,000
MPG 1210-W	0786084	22,000
MPG 1612	0786079	39,100

BPC

Đầu Nối Khí Thẳng Có Ren Ngoài
Vật Liệu: Đồng

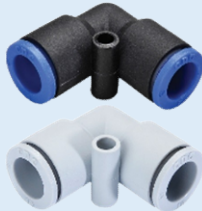


Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
BPC 04R01	0079980	30,200
BPC 04R02	0079981	35,400
BPC 06R01	0079982	32,000
BPC 06R02	0079983	34,800
BPC 08R01	0079984	35,900
BPC 08R02	0079985	36,300
BPC 08R03	0079986	40,400
BPC 10R02	0079987	41,600
BPC 10R03	0079988	41,600
BPC 10R04	0079989	54,000
BPC 12R02	0079990	48,500
BPC 12R03	0079991	46,700
BPC 12R04	0079992	53,200

MPUL

Đầu Nối Khí Nén Cong 90 (Vuông)
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPUL 04-W	0113780	13,700
MPUL 06	0786115	14,400
MPUL 06-W	0113781	14,400
MPUL 06-W	0113781	14,400
MPUL 08	0786116	15,000
MPUL 08-W	0113782	15,000
MPUL 08-W	0113782	15,000
MPUL 10	0786117	17,000
MPUL 10-W	0113783	17,000
MPUL 10-W	0113783	17,000
MPUL 12	0786118	22,900
MPUL 12-W	0113784	22,900
MPUL 12-W	0113784	22,900
MPUL 14	0786119	35,700
MPUL 16	0786120	52,400

MPGT

Đầu Nối Khí Thẳng Giảm Chữ T (Ngã 3)



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPGT 0406	0786086	24,400
MPGT 0604	0786085	22,200
MPGT 0608	0786089	25,100
MPGT 0804	0786087	22,900
MPGT 0806	0786088	22,900
MPGT 0810	0786091	24,300
MPGT 1006	0786090	23,800
MPGT 1008	0786092	24,100
MPGT 1012	0786095	37,300
MPGT 1208	0786093	33,900
MPGT 1210	0786094	33,900
MPGT 1610	0786096	71,800
MPGT 1612	0786097	78,900

BPL

Đầu Nối Khí Thẳng Có Ren Ngoài
Vật Liệu: Đồng
Hình Dáng: Cong 90 (Vuông)



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
BPL 04R01	0079993	61,400
BPL 06R01	0079995	62,000
BPL 06R02	0079996	64,000
BPL 08R01	0079997	62,600
BPL 08R02	0079998	64,800
BPL 08R03	0079999	71,100
BPL 10R02	0080000	89,500
BPL 10R03	0080001	91,500
BPL 10R04	0080002	101,600
BPL 12R02	0080003	91,900
BPL 12R03	0080004	93,000
BPL 12R04	0080005	99,800

BUL

Đầu Nối Khí Cong 90 (Vuông)
Vật Liệu: Đồng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
BUL 0800	0080008	61,400
BUL 1000	0080009	84,200

BUT

Đầu Nối Khí Chữ T (Ngã 3)
Vật Liệu: Đồng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
BUT 0400	0080011	69,800
BUT 0600	0080012	71,300
BUT 0800	0080013	83,800
BUT 1000	0080014	90,600

PM

Đầu Nối Khí Thẳng Có Ren Ngoài
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PM 20	0113931	11,100
PM 30	0113932	16,700
PM 40	0113933	23,300
PM 400	0113934	74,100
PM 600	0113935	119,500
PM 800	0113936	191,000

PMM

Đầu Nối Khí Thẳng Có Ren Ngoài



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PMM 04	0080760	25,100
PMM 06	0080761	31,500
PMM 08	0080762	37,900
PMM 10	0080763	54,100
PMM 12	0080764	73,900

PN

Khớp Nối Bi Có Lò Xo
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PN 08	0080043	15,400
PN 10	0080044	21,800
PN 12	0080045	29,400

SF

Đầu Nối Bi Khí Nén
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SF 20	0113949	50,200
SF 400	0113952	227,400

SH

Đầu Nối Bi Khí Nén Dạng Ngạnh
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SH 20	0113937	50,200
SH 30	0113938	53,200
SH 400	0113940	223,900
SH 600	0113941	242,000
SH 800	0113942	294,500

SM

Đầu Nối Bi Khí Nén Ren Ngoài
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SM 20	0113925	50,200
SM 40	0113927	64,400
SM 400	0113928	249,400
SM 600	0113929	259,400
SM 800	0113930	296,800

SPC

Đầu Nối Khí Thẳng Có Ren Ngoài



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SPC 0401	0113814	54,600
SPC 0601	0113815	55,200
SPC 0602	0786191	57,200
SPC 0802	0113816	64,500
SPC 0803	0786193	78,300

SPL

Đầu Nối Khí Cong 90 (Vuông) Có Ren Ngoài



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SPL 0601	0786194	63,100
SPL 0602	0786195	65,800
SPL 0801	0786196	70,400
SPL 0802	0786197	72,300
SPL 0803	0786198	82,200

SN

Khớp Nối Bi Có Lò Xo
Vật Liệu: Thép



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
SN 08	0080046	61,000
SN 10	0080047	66,500
SN 12	0080048	76,400

MPW

Đầu Nối Khí Chữ Y (Ống Nối Giảm)
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPW 0604	0786133	20,800
MPW 0806	0786134	21,800
MPW 1008	0786135	25,200
MPW 1208	0786136	33,600
MPW 1210	0786137	33,600

MPY

Đầu Nối Khí Chữ Y
W: ký hiệu cho màu trắng



Note: VAT 10%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MPY 04	0364723	27,200
MPY 06	0364722	27,200
MPY 08	0364721	27,200
MPY 10	0364720	30,200
MPY 12	0364719	37,500
MPY 16	0364718	86,800

HVU

Van Tay Khí Nén



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
HVU 0404	0080220	83,200
HVU 0606	0080221	83,200
HVU 0806	0700561	85,500
HVU 0808	0080222	90,200
HVU 1008	0786181	97,100
HVU 1010	0080223	97,100
HVU 1210	0786183	104,100
HVU 1212	0080224	104,100

MSF

Van Tiết Lưu Nối Ống Thẳng
Màu Trắng



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MSF 04	0786167	84,500
MSF 06	0786168	97,300
MSF 08	0786169	111,400
MSF 10	0786170	124,500
MSF 12	0786171	139,100

NSFB

Van Tiết Lưu Nối Ống Thẳng
Màu Đen



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
NSFB 04	0786172	130,000
NSFB 06	0786173	149,800
NSFB 08	0786174	171,600
NSFB 10	0786175	191,600
NSFB 12	0786176	213,900

MSC

Van Tiết Lưu Nối Ống Cong 90
(Vuông) Có Ren Ngoài
Màu Trắng



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
MSC 0401	0786149	77,400
MSC 0402	0786150	81,300
MSC 04M3	0786151	67,700
MSC 04M5	0786152	67,700
MSC 0601	0786153	78,200
MSC 0602	0786154	81,000
MSC 0603	0786155	100,900
MSC 06M5	0786156	67,700
MSC 0801	0786157	83,700
MSC 0802	0786158	83,700
MSC 0803	0786159	100,800
MSC 1001	0786160	96,300
MSC 1002	0786161	103,700
MSC 1003	0786162	104,000
MSC 1004	0786163	150,200
MSC 1202	0786164	151,000
MSC 1203	0786165	151,300
MSC 1204	0786166	152,300

PVSC

Van Tiết Lưu Nối Ống Dạng
Chữ Y Cong (Vuông) Có Ren
Ngoài

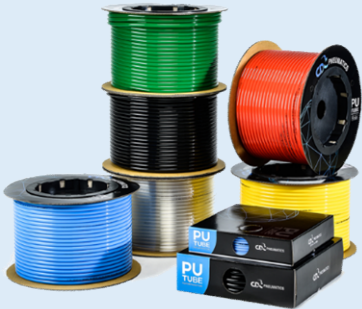


Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PVSC 0601	0113810	537,300
PVSC 0802	0113811	637,100
PVSC 1004	0113812	1,000,700
PVSC 1204	0113813	1,002,000

PU

Ống PU Nối Khí Cuộn 50m
100m 200m



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PU 0320(200M/BLACK)	0115465	818,800
PU 0320(200M/BLUE)	0115469	818,800
PU 0320(200M/CLEAR)	0115461	818,800
PU 0320(200M/TRANS BLUE)	0115476	818,800
PU 0320(200M/YELLOW)	0786266	818,800
PU 0420(200M/BLACK)	0115466	909,900
PU 0420(200M/BLUE)	0115470	909,900
PU 0420(200M/CLEAR)	0786269	909,900
PU 0420(200M/RED)	0786270	909,900
PU 0420(200M/TRANS BLUE)	0115477	909,900
PU 0420(200M/YELLOW)	0786272	909,900
PU 0425(200M/BLUE)	0109943	909,900
PU 0640(100M/BLACK)	0061445	810,900
PU 0640(100M/BLUE)	0115471	810,900
PU 0640(100M/CLEAR)	0786276	810,900
PU 0640(100M/RED)	0786277	810,900
PU 0640(100M/TRANS BLUE)	0115479	810,900
PU 0640(100M/YELLOW)	0786279	810,900
PU 0850(100M/BLACK)	0109476	1,292,700
PU 0850(100M/BLUE)	0115472	1,292,700
PU 0850(100M/CLEAR)	0786282	1,292,700
PU 0850(100M/RED)	0786283	1,292,700
PU 0850(100M/TRANS BLUE)	0115480	1,292,700
PU 0850(100M/YELLOW)	0366263	1,292,700
PU 1065(100M/BLACK)	0109477	1,932,300
PU 1065(100M/BLUE)	0061444	1,932,300
PU 1065(100M/CLEAR)	0786287	1,932,300
PU 1065(100M/RED)	0786289	1,932,300
PU 1065(100M/TRANS BLUE)	0115481	1,932,300
PU 1065(100M/YELLOW)	0786291	1,932,300
PU 1280(100M/BLACK)	0109478	2,622,200
PU 1280(100M/BLUE)	0115473	2,622,200
PU 1280(100M/CLEAR)	0786293	2,622,200
PU 1280(100M/RED)	0786295	2,622,200
PU 1280(100M/TRANS BLUE)	0115482	2,622,200
PU 1280(100M/YELLOW)	0786297	2,622,200
PU 1410(50M/BLUE)	0115474	2,708,700
PU 1410(50M/TRANS BLUE)	0086337	2,708,700
PU 1611(50M/BLUE)	0115475	2,721,300
PU 1611(50M/CLEAR)	0786301	2,721,300
PU 1611(50M/TRANS BLUE)	0115483	2,721,300

EPU

Ống EPU Nối Khí Cuộn 50m
100m 200m



EPU Là Dòng giá tốt của PU

Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
EPU 0420(200M/BLUE)	0786308	665,400
EPU 0420(200M/CLEAR)	0786316	665,400
EPU 0425(200M/BLUE)	0786309	606,800
EPU 0425(200M/CLEAR)	0786317	606,800
EPU 0640(100M/BLUE)	0786310	523,500
EPU 0640(100M/CLEAR)	0786318	523,500
EPU 0850(100M/BLUE)	0786311	916,600
EPU 0850(100M/CLEAR)	0786319	916,600
EPU 0855(100M/BLUE)	0786312	845,700
EPU 0855(100M/CLEAR)	0786320	845,700
EPU 1065(100M/BLUE)	0786313	1,219,900
EPU 1065(100M/CLEAR)	0786321	1,219,900
EPU 1280(100M/BLUE)	0786314	1,600,900
EPU 1280(100M/CLEAR)	0786322	1,600,900
EPU 1612(50M/BLUE)	0786315	1,428,100
EPU 1612(50M/CLEAR)	0786323	1,428,100

PA

Ống PA Nối Khí Cuộn 100m
200m
Màu Đen



Note: VAT 8%

Mã Hãng	Mã Đặt Hàng	Giá/Cái (chưa VAT)
PA 0420(200M/BLACK)	0786303	1,419,000
PA 0640(100M/BLACK)	0080482	1,203,400
PA 0860(100M/BLACK)	0080483	1,800,500
PA 1080(100M/BLACK)	0786306	2,475,900
PA 1290(100M/BLACK)	0786307	3,972,900